

(Kèm theo Kế hoạch số 272/KH-THPTHN ngày 16/12 /2024
của Hiệu trưởng trường THPT Hồ Nghinh)

I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			TL	TL	TL	TL	
1	Đọc hiểu	- Thơ (Ngữ liệu ngoài SGK)	3	3	1	1	6.0
		Số điểm	1.5	3,0	1.0	0.5	6.0
		Tỉ lệ%	15%	30%	10%	5%	60%
2	Làm văn	Nghị luận xã hội: Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen/quan niệm.	1*	1*	1*	1*	4.0
		Tỉ lệ %	15%	10%	10%	5%	40%
		Tỉ lệ chung	70%		30%		

II. BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Thơ (Văn bản ngoài SGK)	Nhận biết: Học sinh nhận biết được đặc trưng thể loại thơ:	3 TL	3 TL	1 TL	1 TL

			- Nhận biết được thể thơ, hình ảnh thơ. - Xác định sự vật, hiện tượng được thể hiện một cách cụ thể, sống động qua ngôn từ trong văn bản. Thông hiểu: - Học sinh nhận xét được nhịp điệu thể hiện trong văn bản. - Phân tích được tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng phù hợp theo thể loại văn bản. - Phát hiện và lí giải được các giá trị nội dung, nghệ thuật trong câu /đoạn /văn bản. Vận dụng - Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá được giá trị nhận thức, cảm xúc, suy nghĩ gợi ra từ văn bản. Vận dụng cao - Từ kiến thức đã học, và thông tin được gợi ra trong văn bản học sinh cảm nhận các giá trị giáo dục và truyền được thông điệp tích cực.				
2	Viết	Bài văn nghị luận xã hội: Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan	Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm. *Nhận biết: - Xác định được cấu trúc bài văn nghị luận văn học: Giới thiệu thói quen/quan niệm cần từ bỏ; phân tích được biểu hiện, lí do, đề xuất	1*	1*	1*	1*

		niệm. (Ngoài SGK)	cách từ bỏ thói quen/quan niệm; ý nghĩa của việc từ bỏ thói quen/quan niệm. - Xác định được kiểu bài nghị luận thuyết phục người khác từ bỏ thói quen/quan niệm. *Thông hiểu: - Xây dựng các luận điểm, luận cứ. - Trình bày được biểu hiện, nguyên nhân, hậu quả của thói quen/quan niệm cần từ bỏ; lợi ích của việc từ bỏ thói quen /quan niệm và giải pháp. * Vận dụng: - Vận dụng các thao tác lập luận để làm rõ vấn đề nghị luận. * Vận dụng cao: - Liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức xã hội để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.				
Tỉ lệ %				30%	40%	20%	10%
Tỉ lệ chung				70%		30%	

Giáo viên phản biện

Giáo viên ra đề

Nguyễn Thị Thảo

Trần Thị Ty

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề gồm có 01 trang)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Mảnh hồn làng trong bà...
Là mái đình, giếng nước, gốc đa
Là mặn mòi mùi vị gió Lào
Là cô Tấm, là nàng tiên trong cổ tích...
Mảnh hồn làng trong cha...
Là con trâu già, cái cày, cái cuốc
Là mẹ
Là con
Là đất đai khô cằn miền Trung nắng táp.
Mảnh hồn làng trong mẹ...
Là khúc hát ru con à ơi giữa đêm khuya bát ngát
Là tần tảo mỗi mòn cho hạt lúa dẻo thơm
Là cần mẫn chắt chiu hương đất.

Mảnh hồn làng trong con...
Là bà
Là cha, là mẹ
Là ngọt bùi củ sắn, mớ khoai
Là mùi mồ hôi ngai ngái trên vai cha
Là hương sữa lúa đọng trên tà áo mẹ
Là làn da ngăm đen vì nắng gió miền Trung
Là tiếng đặc trưng “mô, tê, răng, rứa”
Và con luôn thắm hứa
Mãi giữ mảnh hồn làng huyền bí trong tim!

(Thanh Hoa, *Mảnh hồn làng* <https://www.webtretho.com/f/sach-truyen-tho/bai-tho-manh-hon-lang>).

Thực hiện các yêu cầu/Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Xác định thể thơ trong văn bản.

Câu 2. Chỉ ra những hình ảnh dân gian quen thuộc gợi tả *mảnh hồn làng* trong hai câu thơ sau:

*Mảnh hồn làng trong bà...
Là mái đình, giếng nước, gốc đa*

Câu 3. Theo tác giả, *mảnh hồn làng* trong mẹ là gì?

Câu 4. Anh/chị hãy nhận xét nhịp điệu của văn bản trên.

Câu 5. Phân tích tác dụng của biện pháp điệp từ “*là*” được sử dụng trong văn bản.

Câu 6. Anh/chị hiểu thế nào về đoạn thơ:

*Mảnh hồn làng trong cha...
Là con trâu già, cái cày, cái cuốc*

Là mẹ

Là con

Là đất đai khô cằn miền Trung nắng táp.

Câu 7. Văn bản gợi cho anh/chị suy nghĩ gì về tình cảm của tác giả đối với quê hương?

Câu 8. Anh/chị hãy rút ra thông điệp tác giả gửi gắm trong văn bản trên.

II. VIẾT (4.0 điểm)

Anh/chị viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ quan niệm: “*Coi thường người có hoàn cảnh khó khăn*”.

----- **Hết** -----

Giáo viên phản biện

Giáo viên ra đề

Nguyễn Thị Thảo

Trần Thị Ty

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
QUẢNG NAM
TRƯỜNG THPT HỒ NGHINH

HDC ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC: 2024-2025
MÔN: NGỮ VĂN – LỚP 10
(Thời gian làm bài: 90 phút)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	Xác định thể thơ trong văn bản trên: Tự do/Thể thơ tự do. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0.5 điểm. - Học sinh trả lời khác đáp án/không trả lời: 0,0 điểm.	0.5
	2	Những hình ảnh dân gian quen thuộc gợi tả <i>mảnh hồn làng</i> trong hai câu thơ: <i>Mảnh hồn làng trong bà...</i> <i>Là mái đình, giếng nước, gốc đa</i> - Mái đình, giếng nước, gốc đa. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án hoặc trả lời được 02 ý: 0.5 điểm. - Học sinh trả lời đúng 1 ý: 0.25 điểm. - Học sinh trả lời khác đáp án: 0.0 điểm.	0.5
	3	Theo tác giả, <i>mảnh hồn làng</i> trong mẹ là: - <i>Khúc hát ru con à ơi giữa đêm khuya bát ngát.</i> - <i>Tàn tảo mồi mòn cho hạt lúa dẻo thơm.</i> - <i>Cần mẫn chất chiu hương đất.</i> Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được như đáp án hoặc trả lời được 02 ý: 0.5 điểm. - Học sinh trả lời đúng 1 ý hoặc chép nguyên đoạn thơ: 0.25 điểm. - Học sinh trả lời khác đáp án: 0.0 điểm.	0.5
	4	Nhận xét về nhịp điệu trong văn bản: - Các câu thơ dài, ngắn khác nhau nên cách ngắt nhịp cũng có sự biến đổi linh hoạt(1). - Sự biến đổi nhịp thơ nhằm diễn tả mạch cảm xúc, tâm tư, tình cảm sâu sắc của tác giả đối với con người, mảnh đất quê hương. Qua đó tạo nên một bức tranh sống động về cuộc sống, con người và những giá trị tinh thần bất diệt của làng quê(2). Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 1.0 điểm. - Học sinh trả lời cả hai ý nhưng diễn đạt chưa trọn vẹn ghi 0.75	1.0

	điểm. - Học sinh trả lời ý (1) ghi 0.5 điểm. - Học sinh không trả lời hoặc trả lời khác đáp án: 0.0 điểm.	
5	Tác dụng của biện pháp điệp từ “là” được sử dụng trong văn bản: - Tác dụng: + Tăng sức gợi hình, gợi cảm, tạo nhịp điệu (1). + Nhấn mạnh những hình ảnh ẩn tượng mang theo cả linh hồn quê hương gắn với cuộc đời của mỗi con người. Qua đó, thể hiện tình yêu, sự gắn bó thiết tha, sâu nặng của tác giả với làng quê (2). <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Học sinh trả lời được như đáp án: 1.0 điểm. - Học sinh trả lời được ý (1): 0.25 điểm. - Học sinh trả lời được ý(2): 0.75 điểm. - Trả lời khác đáp án: 0.0 điểm. <i>*Lưu ý: Học sinh có thể diễn đạt theo ý của mình, miễn đảm bảo yêu cầu về mặt nội dung.</i>	1.0
6	Anh/chị hiểu thế nào về đoạn thơ: <i>Mảnh hồn làng trong cha...</i> <i>Là con trâu già, cái cày, cái cuốc</i> <i>Là mẹ</i> <i>Là con</i> <i>Là đất đai khô cằn miền Trung nắng táp.</i> - Nội dung: + “Mảnh hồn làng” trong cha hiện lên qua những hình ảnh đơn sơ, gần gũi quen thuộc như con trâu già, cái cày, cái cuốc gợi lên cuộc sống vất vả, nhọc nhằn, thiên nhiên khắc nghiệt. + Những con người luôn hiện hữu trong cha như: mẹ, con đầy ắp tình cảm yêu thương, gắn bó. - Nghệ thuật: Ngôn ngữ tự nhiên, giàu hình ảnh, nhịp điệu linh hoạt, các biện pháp tu từ được sử dụng hiệu quả. <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Học sinh trả lời như đáp án: 1.0 điểm. - Học sinh trả lời đảm bảo nội dung: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời đảm bảo nghệ thuật: 0.25 điểm. - Học sinh trả lời đảm bảo các ý nhưng diễn đạt chưa trọn vẹn: 0.75 điểm. - Học sinh không có đáp án hoặc lạc đề: 0.0 điểm.	1.0
7	Bài thơ gợi suy nghĩ về tình cảm của tác giả đối với quê hương:	1.0

	- Sự gắn bó thiết tha của người con với làng quê, với những hình ảnh quen thuộc gần gũi, những con người thân yêu. - Niềm tự hào của tác giả về quê hương, đất nước và con người. - Qua đó, ta thấy được tác giả là một người có tâm hồn tinh tế, nhạy cảm và tình yêu quê hương tha thiết. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được như đáp án: 1.0 điểm. - HS trả lời được 2 ý như đáp án: 0,75 điểm. - HS trình bày 1 ý như đáp án: 0.5 điểm. - HS không có đáp án: 0.0 điểm. <i>*Lưu ý: Học sinh có thể diễn đạt theo cách riêng của mình, miễn đảm bảo yêu cầu về mặt nội dung.</i>	
8	Thông điệp tác giả muốn gửi gắm trong văn bản trên: - Học sinh có nhiều cách trả lời song thông điệp phải tích cực, phù hợp với quan điểm, tư tưởng bài thơ. <u>Gợi ý:</u> Dù có đi đâu, ở đâu hãy luôn nhớ về quê hương; luôn đặt quê hương và những người thân yêu ở vị trí quan trọng nhất trong trái tim mỗi người. Hướng dẫn chấm: - Học sinh rút ra được thông điệp có ý nghĩa tích cực, phù hợp với quan điểm, tư tưởng bài thơ: 0.5 điểm - Học sinh chỉ rút ra được thông điệp, chưa thể hiện được quan điểm, tư tưởng: 0.25 điểm. - Học sinh không có đáp án: 0.0 điểm.	u
II	VIẾT	4,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận văn học . Mở bài: Nêu được quan niệm cần từ bỏ. Thân bài: Triển khai được vấn đề. Kết bài: Khái quát được ý nghĩa của việc từ bỏ một quan niệm.	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một quan niệm: “Coi thường người có hoàn cảnh khó khăn”.	0,5
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: * Giới thiệu quan niệm cần từ bỏ. * Nêu ra biểu hiện: - Thiếu tôn trọng, nhìn người nghèo khổ bằng đôi mắt khinh thường. - Đối xử phân biệt. * Nguyên nhân: - Nhận thức sai lệch và bản chất hẹp hòi, ích kỉ.	2.5 0.5 0.25 0.25

	- Cho rằng việc giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn không phải là nghĩa vụ và trách nhiệm của bản thân mình. * <i>Tác hại/ hậu quả của quan niệm coi thường những người có hoàn cảnh khó khăn:</i> - Khiến họ tự ti, mất niềm tin vào cuộc sống. - Tạo khoảng cách trong xã hội. * <i>Nêu lên lợi ích khi từ bỏ quan niệm này:</i> - Sống bao dung hơn, biết chia sẻ với người khác. - Đem đến cho chúng ta nhiều bài học và suy ngẫm về cuộc sống. * <i>Giải pháp để từ bỏ quan niệm coi thường những người có hoàn cảnh khó khăn:</i> - Nâng cao nhận thức bản thân, có cái nhìn khách quan hơn. - Đặt mình vào hoàn cảnh của người có hoàn cảnh khó khăn để đồng cảm, san sẻ. * <i>Khẳng định ý nghĩa của việc từ bỏ quan niệm coi thường những người có hoàn cảnh khó khăn.</i>	0.25
		0.25
		0.5
		0.5
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0,5
Tổng điểm		10.0

Giáo viên phản biện

Giáo viên ra đề

Nguyễn Thị Thảo

Trần Thị Ty

